TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-08-2023.
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LH, xã ĐT, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Anh Nguyễn Phương T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp AL, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh T kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên tụ tập bạn bè để uống rượu, thường xuyên cãi vả. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh S sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Thanh Tr sinh ngày 26/02/2012. HIện nay cháu S đang ở cùng chị N, cháu Tr đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu S; để anh T tiếp tục nuôi cháu Tr, chị không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Phương T: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết để tham gia theo quy định nhưng anh T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Phương T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ngọc và anh T.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc được ly hôn anh Nguyễn Phương T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị N và anh T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 083 ngày 25/5/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, chị N

và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của chị N. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh T không có phản đối gì đối với yêu cầu được quyền ly hôn của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh T không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[2.2]. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh S sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Thanh Tr sinh ngày 26/02/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu Nguyễn Thanh S đang ở cùng chị N, cháu Nguyễn Thanh Tr đang sống cùng anh T. Theo nguyện vọng của cháu S là muốn sống với chị N, nguyện vọng của cháu Tr là muốn sống với anh T. Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần và sự phát triển bình thường của con chung, việc giao cháu S cho chị N, giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Phía anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị N cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Ngọc phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được quyền ly hôn anh Nguyễn Phương T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 12/11/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Nguyễn Thanh Tr sinh ngày 26/02/2012 cho anh Nguyễn Phương T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025895 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã LHL, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Dung